

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2022/DS-ST
Ngày 30-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thành Tâm;
2. Bà Trần Thị Ngọc Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm số 138/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2022/QĐST ngày 12 tháng 9 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1986; hộ khẩu thường trú: Xóm 6, xã NM, huyện NL, tỉnh Nghệ An; tạm trú: Số B7/12 đường D8, tổ 12, khu phố BT2, phường TG, thành phố TA, tỉnh Bình Dương. Có mặt

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 219 tổ 8, khu phố 3, phường CPH, thị xã BC, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Phạm Văn T trình bày:

Ông T và bà Nguyễn Thị Bích N có mối quan hệ quen biết với nhau từ trước. Vào ngày 21/01/2022, bà N cần vốn làm ăn nên có hỏi ông T vay số tiền là: 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Sau khi hai bên thỏa thuận ông T đã đồng ý cho bà N vay số tiền trên và giao tiền mặt cho bà N số tiền là: 500.000.000 đồng.

Việc vay tiền hai bên có làm giấy, có ký tên xác nhận và lấn tay của bà N. Theo đó, hai bên thỏa thuận không tính tiền lãi suất. Thời hạn vay là 12 tháng, từ tháng 3/2022 bà N sẽ trả cho ông Tháo mỗi tháng 50.000.000 đồng đến khi hết số tiền vay.

Tuy nhiên, từ khi bà N vay tiền đến nay bà N không trả tiền cho ông T theo như thỏa thuận mỗi tháng 50.000.000 đồng, ông T đã nhiều lần liên hệ với bà N nhưng bà N không nghe và chặn luôn số điện thoại của ông T làm ông T không thể nào liên lạc được với bà N. Ông T có xuống nhà bà N nhiều lần nhưng bà N vẫn cố tình tránh né, không gặp mặt ông T.

Đến nay đã quá thời hạn thỏa thuận mà bà N vẫn chưa hoàn trả lại số tiền đã vay cho ông T mỗi tháng là 50.000.000 đồng mà còn dùng những lời lẽ khách thức ông T.

Nay, ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Bích N có nghĩa vụ thanh toán cho tôi số tiền gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền này từ ngày bà Nguyễn Thị Bích N chậm thanh toán nợ (từ 21/3/2022/) đến khi vụ án được đưa ra xét xử, tạm tính đến ngày 21/5/2022 với mức lãi suất là 10%/1 năm cụ thể: $500.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 2\text{tháng} = 8.300.000 \text{ đồng}$ (tám triệu ba trăm nghìn đồng).

Tổng cộng yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Bích N trả lại cho ông T số tiền là: 508.300.000 đồng (năm trăm lẻ tám triệu ba trăm nghìn đồng).

Toà án đã triệu tập họp lệ bà N để làm việc, công khai chứng cứ, hòa giải nhưng bà N vắng mặt không có lý do.

Tại phiên toà, nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính tiền lãi, chỉ yêu cầu Tòa án buộc bà N trả lại ông T nợ gốc 500.000.000 đồng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N cư trú tại tổ 8, khu phố 3, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Phạm Văn T khởi kiện bà Nguyễn Thị Bích N đòi số tiền 500.000.000 đồng, theo ông T đây là số tiền bà N vay của ông T vào ngày 21/01/2022, ông T không yêu cầu bà N trả tiền lãi. Chứng cứ mà ông T cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là giấy xác nhận có chữ ký và dấu vân tay của bà N. Bị đơn bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để đến tòa án làm việc, hòa giải và công khai chứng cứ nhưng bà N vắng mặt không có lý do. Theo biên bản xác minh ngày 12/8/2022 tại công an phường Chánh Phú Hòa thì bà Nguyễn Thị Bích N có đăng ký thường trú tại tổ 8, khu phố 3, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, hiện tại bà N vẫn sinh sống ổn định tại địa chỉ này. Xét thấy, thực tế bà N có vay ông T số tiền 500.000.000 đồng, vay không có lãi suất, điều này được thể hiện tại giấy xác nhận đề ngày 21/01/2022 có chữ ký và dấu vân tay của bà Nguyễn Thị Bích N, nội dung giấy xác nhận này còn thể hiện bà N có nghĩa vụ trả ông T mỗi tháng 50.000.000 đồng, bắt đầu trả từ tháng 3/2022. Từ khi ký giấy xác nhận ngày 21/1/2022 đến nay bà N không trả cho ông T bất cứ khoản tiền nào nên căn cứ vào Điều 466 của Bộ luật dân sự buộc bà N có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền vay là 500.000.000 đồng.

Về lãi suất: Ông T rút lại yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu tính lãi suất của ông T theo quy định tại Điều 217 của Bộ luật dân sự.

[4]. Từ những phân tích trên, xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bích N phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 95, Điều 147, 217 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn T đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Nguyễn Thị Bích N có nghĩa vụ trả ông Phạm Văn T số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày ông Phạm Văn T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bà Nguyễn Thị Bích N chậm thi hành án thì hàng tháng, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T đối với bà Nguyễn Thị Bích N về việc yêu cầu tính tiền lãi của số tiền vay 500.000.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Bích N phải chịu 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại ông T 12.166.000 đồng (mười hai triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) tạm ứng án phí ông T đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0005229 ngày 18/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

4. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Tiến